

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng
2. Ông Chau Khon Sốc

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Bà Bùi Thị Thái Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Néang Nhung, sinh năm 1992 (có mặt); địa chỉ: **Tổ C, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.**

2. Bị đơn: **Chau Sốc C**, sinh năm 1998 (có mặt); địa chỉ: **Tổ A, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.**

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Kim S**, sinh năm 1964 (có mặt); địa chỉ: **Ấp P, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn ngày 21/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Néang Nhung trình bày:

Giữa bà **N** và ông **C** không có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau trước, hôn nhân do mai mối được cha mẹ 02 bên tổ chức lễ cưới và sự đồng thuận của bà **N**, ông **C** hai bên đăng ký kết hôn ngày 11/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện

T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2022 khi bà N sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, ông C không còn quan tâm vợ con, không đi làm đưa tiền phụ giúp gia đình ngược lại thường xuyên nhậu nhẹt và còn cãi đánh nhau với cha mẹ ruột của bà N. Bà N sợ tiếp tục chung sống sẽ có thương tích xảy ra và cũng không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung có một con chung tên Chau Đ, sinh ngày 30/5/2022, bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Cung cấp d nuôi con.

Về tài sản chung có 02 lượng 01 chỉ vàng cưới, vàng 24 kara và 04 chỉ vàng 24 kara vợ chồng dành dụm được đã dùng toàn bộ số vàng này cầm được khoảng 03 công đất và cho thuê lại với giá 5.000.000 đồng/năm nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Chau Sóc C trình bày: Ông cung thông nhất lời trình bày của Néang Nhung về quan hệ hôn nhân, con chung. Về hôn nhân giữa ông và bà N không có mâu thuẫn gì nhưng bà N xin ly hôn, ông thừa nhận có xảy ra sự việc cãi nhau với ba mẹ vợ, công an có lập biên bản, nhưng ông không có đánh ba mẹ vợ, ông vẫn chăm lo quan tâm vợ con và đi làm đưa tiền cho bà N nuôi con nhưng không chịu nhận, ông không thường xuyên nhậu nhẹt như lời bà N trình bày. Do ông vẫn còn tình cảm rất thương vợ con vì con còn nhỏ nên ông xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung có 01 con chung tên Chau Đ, sinh ngày 30/5/2022, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung trong thời gian chung sống vợ chồng dành dụm được số vàng 02 lượng 07 chỉ vàng 24kara đã dùng số vàng này cầm cố đất khoảng 3 công và cho chính người cầm đất này thuê lại làm 01 năm là 5.000.000 đồng, tiền thuê đất đều do bà N giữ, do ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý và lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trình tự lập hồ sơ, việc giao nhận văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, việc gửi thông báo thụ lý vụ án và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm chưa đảm bảo thời gian quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy hôn nhân giữa bà N, ông C không dựa trên cơ sở, quen biết, tìm hiểu, tự nguyện nhau trước nhưng đôi bên đã đồng thuận tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào 2021 tại Ủy ban nhân dân xã A, được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, hai bên không hạnh phúc thường xuyên cãi nhau và mối quan hệ giữa ông C và ba mẹ vợ cũng không tốt thường xuyên cãi nhau dẫn đến việc đánh nhau càng làm cho tình cảm vợ chồng ngày thêm rạn nứt dẫn đến ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Ông C kiên quyết xin được đoàn tụ vì còn thương vợ con, thời gian ly thân tuy ông C có đến thăm bà N nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm cho thấy mức độ trầm trọng trong mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Chau Đ, sinh ngày 30/5/2022, hiện tại bà N đang nuôi dưỡng, bà N yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông Cung cấp d, con chung còn rất nhỏ tính đến thời điểm xét xử mới tròn 04 tháng tuổi và việc giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp và bà N có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Do đương sự không có yêu cầu, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21 tháng 7 năm 2022 bà Néang N1 có đơn yêu cầu ly hôn với ông Chau Sóc C và yêu cầu nuôi con, ông C cư trú tại tổ A, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà N1 và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào năm 2021 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, bà N1 và ông C đã ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà N1 và ông C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N1 yêu cầu ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con, ông xin được đoàn tụ.

Xét nguyên nhân, điều kiện mâu thuẫn phát sinh dẫn đến việc bà N1 quyết định ly hôn với ông C, các bên đều xác định có xảy ra sự việc giữa ông C và ba mẹ của bà N1 có mâu thuẫn cãi nhau có sự việc dùng dao và gây mất trật tự công an có đến lập biên bản phù hợp với kết quả xác minh ngày 09/9/2022 tại Ban ấp N, xã A. Điều này, là nguyên nhân góp phần làm cho mâu thuẫn giữa bà N1 và ông C thêm trầm trọng không có cơ hội hàn gắn được. Mặt khác, bà N1 vừa mới sinh con được 04 tháng tuổi tinh thần, sức khỏe chưa ổn định dễ bị ảnh hưởng và tác động từ môi trường bên ngoài, hơn nữa thời gian này bà N1 lại sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột nhưng mâu thuẫn giữa ông C và cha mẹ vợ lại nghiêm trọng không có điều kiện để thường xuyên tới lui thăm nom vợ con, hàn gắn lại tình cảm với bà N1. Bà N1 xác định không còn tình cảm với ông C và kiên quyết ly hôn, dù ông C cố gắng xin được đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn giữa bà N1 và ông C đã trầm trọng, hiện tại bà N1 đã hết tình cảm với ông C càng cố gắng kéo dài, duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đạt được mục đích. Hôn nhân phải thật sự xuất phát và xây dựng trên nền móng tình cảm, điều kiện hoàn cảnh hiện tại của bà N1 không còn tình cảm với ông C, nếu ông C thật sự còn tình cảm với bà N1 sẽ chủ động nỗ lực tìm cơ hội hóa giải mâu thuẫn với gia đình bên vợ và từng bước hàn gắn xây dựng lại tình cảm với bà N1 nhưng ông C đã không thực hiện, nên cơ hội hàn gắn tình cảm không còn khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N1 và ông C có 01 con chung tên Chau Đ, sinh ngày 30/5/2022, hiện tại bà N1 đang nuôi dưỡng yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông Cung cấp d. Xét điều kiện hiện tại con chung còn rất nhỏ mới 04 tháng tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ mẹ và bà N1 hiện tại có đủ điều kiện để trực tiếp, trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc giao con chung cho bà N1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N1.

[4] Về tài sản chung: Theo bà N1 khai nhận có 02 lượng 01 chỉ vàng cưới vàng 24 kara và 04 chỉ vàng 24 kara vợ chồng dành dụm được. Tổng cộng là 02 lượng 05 chỉ vàng 24 kara, ông C không đồng ý và nại cho rằng số tài sản chung của vợ chồng gồm có 02 lượng 07 chỉ vàng 24kara. Tuy các bên khai nhận chưa có sự thống nhất về số tài sản chung nhưng cả 02 đều xác định toàn bộ tài sản chung đã dùng cầm cố khoảng 3 công đất ruộng và cho thuê lại. Đồng thời các bên đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử, không có cơ sở xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không xem xét.

[6] Về án phí:

Bà Néang N1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Néang N1 với ông Chau Sóc C. Bà Néang N1 được ly hôn với ông Chau Sóc C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 11/01/2021 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Néang N1 được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Chau Đ, sinh ngày 30/5/2022. Ông Chau Sóc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với bà N1, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà N1.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà N1 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà N1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông C.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Néang N1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008499 ngày 21-7-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Néang N1 đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- UBND xã An Tức;
- Lưu hồ sơ.

Lưu Thị Hùng

